

Bản án số: 83/2026/HS-ST
Ngày: 05/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Quang Hòa

2. Bà Thái Thục H

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 486/2025/TLST-HS ngày 19/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HS ngày 06/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2025/HSST-QĐ ngày 03/2/2026 đối với các bị cáo:

1. Quan L P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/5/1990 tại Thành phố HM; Nơi đăng ký thường trú: Không có nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Quan Đ và bà Mùi A B; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 19/5/2015, bị Tòa án nhân dân Q 8, Thành phố HM xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 91/2015/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí, đã xóa án tích.

- Ngày 19/3/2020, bị Tòa án nhân dân Q 8, Thành phố HM xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 27/2020/HS-ST. Đã chấp hành xong hình phạt tù và đóng án phí, đã xóa án tích.

- Ngày 19/9/2024, bị Tòa án nhân dân huyện B C, Thành phố HM xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 235/2024/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Chí Hòa. (Bị cáo có mặt)

2. Trần Thị H; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Nghé; Sinh ngày 27/8/1994 tại Thành phố HM; Nơi đăng ký thường trú: A18/11, Ấp 1A, xã B H, huyện B C, Thành phố HM (nay là Ấp 17, xã B H, Thành phố HM); Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn V H và bà Trần M T; Bị cáo không có chồng, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/4/2024 đến ngày 17/4/2024, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/4/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

3. Lê T V; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 26/4/1990 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi đăng ký thường trú: 21 Lô 1, Chung cư Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, Thành phố HM (nay là phường Bàn Cờ, Thành phố HM); Chỗ ở: A22/11AF, Ấp 1A, xã B H, huyện B C, Thành phố HM (nay là ấp 16, xã B H, Thành phố HM); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn Sang (đã chết) và bà Trần Thị Phượng; Bị cáo không có chồng, có 06 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Chí Hòa. (Bị cáo có mặt)

4. Lê Vũ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 17/9/1997 tại Thành phố HM; Nơi đăng ký thường trú: 629/2 T T V, P 12, Q 8, Thành phố HM (nay là phường Phú Định, Thành phố HM); Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông L H, và bà P T T P ; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/3/2015, bị Tòa án nhân dân Q 8, Thành phố HM xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 48/2015/HSST ngày 20/3/2015. Đã đóng án phí và chấp hành xong bản án.

- Ngày 12/08/2020, bị Tòa án nhân dân Q 8 ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 438/QĐ-TA. Đã chấp hành xong ngày 18/02/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Chí Hòa. (Bị cáo có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh L, giới tính: Nữ; sinh năm: 1982; nơi thường trú: Số 142/1 T N H, phường P Th, Thành phố HM; nơi cư trú: Số 239 – 241 Hòa Bình, phường P Th, Thành phố HM. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn T V, giới tính: Nữ; sinh năm: 1988; nơi thường trú và nơi cư trú: Số 457/22E Cách mạng tháng Tám, phường Hòa Hưng, Thành phố HM. (Vắng mặt)

3. Bà D T H, giới tính: Nữ; sinh năm: 1959; nơi thường trú: Tổ 2, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: 142/1 T N H, phường P Th, Thành phố HM. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 10/4/2024, Công an xã B H phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B C tiến hành kiểm tra cư trú nhà ở tại địa chỉ A22/11AF, Ấp 1A, xã B H, huyện B C, Thành phố HM (nay là xã B H, Thành phố HM) tại thời điểm kiểm tra có Lê T V là chủ nhà và Trần Thị H. Qua kiểm tra, Công an P hiện trên nền gạch gác lửng phía sau vị trí H đang ngồi có 01 túi móc khóa hình trụ tròn, bên ngoài túi có ghi chữ FAMOUS, bên trong có 08 gói nylon chứa tinh thể không màu (Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 7,5091 gam, loại Methamphetamine), H khai nhận là ma túy đá của Quan L P (sống chung như vợ chồng với H) đưa H cất giữ để bán lại cho người khác kiếm lời. Công an xã B H đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng, lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B C điều tra, xử lý.

Ma túy thu giữ của H đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 4585/KL-KTHS ngày 17/4/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố HM.

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/4/2024, Quan L P đứng trước địa chỉ 86C Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, Quận 5, Thành phố HM thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện B C kết hợp Công an Phường 10, Quận 5 kiểm tra thì P hiện trong túi quần trước bên phải của P đang mặc có 02 gói nylon chứa tinh

thẻ không màu là ma túy đá được P khai nhận dùng để sử dụng và khi có ai hỏi mua sẽ bán lại để kiếm lời. Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng, lập hồ sơ ban đầu, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B C điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Quan L P, Trần Thị H, Lê T V và L V khai nhận: Quan L P và Trần Thị H sống chung như vợ chồng tại nhà trọ địa chỉ 1137/9C, Ấp 3A, xã B H, huyện B C, Thành phố HM (nay là xã B H, Thành phố HM). P, H với V, Vũ là bạn bè quen biết từ trước. Do cần tiền tiêu xài nên P đã hoạt động mua bán trái phép chất ma túy được khoảng 01 tháng trước khi bị bắt: Ngày 06/4/2024 và ngày 08/4/2024, V liên hệ với P qua tài khoản mạng xã hội Zalo để hỏi mua ma túy, P đã trực tiếp bán ma túy cho V với giá tiền lần lượt là 400.000 đồng và 200.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Momo tại nhà của V ở địa chỉ A22/11AF, Ấp 16, xã B H, Thành phố HM, V lấy ra một ít để sử dụng, số ma túy còn lại V lấy bán lại cho Sầm Thị Ngọc Tuyền (không rõ lai lịch) 02 lần với giá tiền lần lượt là 250.000 đồng và 200.000 đồng bằng tiền mặt tại địa chỉ trên.

Ngày 09/4/2024, P dùng số điện thoại 0774519167 gọi vào số điện thoại 0935748350 của một người đàn ông tên “Cậu 6” (không rõ lai lịch) để đặt mua gói ma túy đá với giá 4.500.000 đồng, P nhận ma túy tại trước địa chỉ C12 Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, xã B H, Thành phố HM rồi đem về nhà trọ phân chia thành 08 gói nhỏ bán kiếm lời. Chiều cùng ngày, P về quê nên giao lại 08 gói ma túy cho H cất giữ vừa để sử dụng vừa để bán cho khách. Đến tối cùng ngày, L V liên lạc với P để mua ma túy, P gọi điện thoại kêu H bán cho Vũ 01 gói ma túy đá với giá 250.000 đồng bằng tiền mặt. Đến 23 giờ 15 phút cùng ngày, V gọi cho H để mua ma túy đá với giá 400.000 đồng, H nhắn hỏi P và P đồng ý rồi kêu H liên lạc với Vũ để Vũ đi giao ma túy do trời đã tối. H nhắn tin cho Vũ qua tài khoản Messenger kêu Vũ giao ma túy, Vũ điều khiển xe máy đến gặp H lấy ma túy đi giao cho V. V đưa cho Vũ 200.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 200.000 đồng qua tài khoản ngân hàng của Vũ. Vũ đưa cho H 370.000 đồng gồm 250.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 120.000 đồng, 30.000 đồng Vũ giữ lại để đổ xăng và H trả công cho Vũ 50.000 đồng. Lúc này, Vũ mua của H 01 gói ma túy đá giá 200.000 đồng, H đồng ý và giao ma túy cho Vũ đồng thời H báo xong và nhắn tin cho P biết. Sau khi mua được ma túy, V lấy ra một ít để sử dụng, số ma túy còn lại V bán cho Sầm Thị Ngọc Tuyền với giá 200.000 đồng.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/4/2024, Tuyền tiếp tục liên lạc V để hỏi mua ma túy thì V đến gặp H để mua 01 gói ma túy đá. H điều khiển xe máy hiệu Vision biển số 59H1-283.18 đến nhà của V để bán 01 gói ma túy với giá 200.000

đồng (V chuyển tiền vào tài khoản Momo của H) rồi V bán gói ma túy trên cho Tuyền với giá 300.000 đồng rồi Tuyền ra về. Ngay sau đó, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, P hiện, bắt quả tang V và H như đã nêu trên.

Khoảng 12 giờ ngày 11/4/2024, P liên lạc với “Cậu 6” qua số điện thoại 0935748350 để đặt mua 02 gói ma túy đá có khối lượng 14,9354 gam với giá 5.000.000 đồng để bán, hẹn giao tại khu vực chân cầu “Xóm Cũi” đường Nguyễn Văn Linh, xã B H, Thành phố HM. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P nhận ma túy từ một người thanh niên (không rõ lai lịch), P cất giấu 02 gói ma túy trong túi quần trước bên phải để bán. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, P đi xe ôm đến nhà bạn tại Quận 5, khi đến trước địa chỉ số 86C đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5 (nay là phường Chợ Lớn, Thành phố HM) thì bị lực lượng Công an kiểm tra, P hiện bắt giữ. Ở lần mua ma túy này, H không biết và không liên quan đến số ma túy thu giữ của P.

Ma túy thu giữ của P đã được giám định, kết quả thể hiện tại Kết luận giám định số 4690/KL-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố HM.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Quan L P, Trần Thị H, Lê T V và L V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 172/CT-VKS-HS ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố HM đã truy tố các bị cáo như sau:

- Quan L P, Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Lê T V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- L V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra cáo trạng còn xác định:

Đối với người đàn ông tên “Cậu 6” bán ma túy cho P và người phụ nữ tên Sầm Thị Ngọc Tuyền mua ma túy của V, do không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy xét, làm rõ và xử lý sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố HM trình bày quan điểm luận tội như sau: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố HM giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Quan L P từ 11 năm tù đến 12 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b, điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Trần Thị H từ 09 năm tù đến 10 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt Lê T V từ 08 năm tù đến 09 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt L V từ 03 năm tù đến 04 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

Các bị cáo trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố và tỏ ra ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo.

Quá trình tranh luận, đối đáp đại diện Viện kiểm sát cũng như bị cáo giữ nguyên quan điểm như đã nêu, không P sinh tình tiết nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ áp dụng pháp luật: Hội đồng xét xử xét hành vi phạm tội của bị xảy ra trước ngày 01/7/2025 là ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) có hiệu lực thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử vận dụng khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật hình sự (luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025) để xem xét các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người chứng kiến, người liên quan, vật chứng là ma túy thu được, kết luận giám định về ma túy, dữ liệu thu được trên điện thoại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình tố tụng. Trên cơ sở xem xét đánh giá công khai các chứng cứ một cách đầy đủ và toàn diện nhất, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/4 đến ngày 11/4/2024 tại xã B H và phường Chợ Lớn, Thành phố HM, bị cáo Quan L P đã có hành vi mua ma túy loại Methamphetamine từ đối tượng tên “Câu 6” với mục đích bán lại để kiếm lời. Bị cáo cùng với sự giúp sức của Trần Thị H đã 04 lần bán ma túy cho Lê T V và bán 02 lần cho Lê Vũ, cụ thể như sau:

+ Ngày 10/4/2024 Trần Thị H sau khi giao ma túy cho Lê T V chuẩn bị đi về nhà thì bị cơ quan Công an P hiện bắt quả tang, cơ quan chức năng đã thu giữ được số ma túy trên người H qua giám định có khối lượng là 7,5091 gam Methamphetamin, bị cáo H thừa nhận số ma túy này là do P đưa để H bán cho người mua khi có yêu cầu. Riêng số ma túy mà V mua thì H đã giao cho Lê T V và thấy V đã bán lại cho đối tượng Sầm Thị Ngọc Tuyền.

+ Ngày 11/4/2024 sau khi mua ma túy từ đối tượng “Câu Sáu” thì Quan L P bị cơ quan chức năng P hiện bắt quả tang tại trước địa chỉ 86C Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố HM, cơ quan công an đã thu được số ma túy trên người P qua giám định xác định được là 14,9354 gam loại Methamphetamine, số ma túy này P thừa nhận dùng để bán lại để kiếm lời.

Quá trình điều tra còn xác định được vào ngày 09/4/2024 Quan L P và Trần Thị H còn bán ma túy cho Lê T V và nhờ đối tượng L V đi giao ma túy cho Lê T V, Vũ được H trả công 80.000 đồng; Cùng ngày P và H còn bán ma túy trực tiếp cho bị cáo L V để Vũ sử dụng với giá là 250.000 đồng.

Lê T V thừa nhận đã 04 lần mua ma túy của Quan L P và Trần Thị H vào các ngày 06, 08, 09, 10/4/2024 với giá mỗi lần mua từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng, số ma túy mua được V giữ lại một ít để sử dụng, phần còn lại V đều đem bán lại cho đối tượng Sầm Thị Ngọc Tuyền sau đó. Lời khai thừa nhận của V phù hợp với lời khai của các bị cáo P, H cũng như trích xuất dữ liệu trên điện thoại của bị cáo V.

Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng chỉ vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài và muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy mà vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Theo đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 –

Thành phố HM đã truy tố các bị cáo: Quan L P, Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Lê T V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); L V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tội phạm do các bị cáo không những đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương mà còn nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đặc biệt là đối với bị cáo Quan L P, bị cáo sau khi biết Trần Thị H bị bắt nhưng vẫn tiếp tục đi mua ma túy để bán thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần có một mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố HM tại phiên tòa.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, do đó cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xét bị cáo Trần Thị H đang nuôi con nhỏ, phụ thuộc hoàn toàn vào bị cáo P nên xét cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ thêm một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Các nhận định trên cũng là nhận định của Hội đồng xét xử để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu được cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các đồ vật gồm: 01 túi móc khóa hình trụ tròn bên ngoài túi có ghi chữ Famous; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 túi vải; 01 quạt ga; 01 cân điện tử; 01 đoạn ống hút nhựa màu đen cắt nhọn một đầu; 10 gói nylon chưa qua sử dụng Hội đồng xét xử xét các đồ vật trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại thu được gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y17S, số Imei 1: 864973065933965, Imei 2: 864973065933973 cùng sim số 0776389367.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 1: 357026899322592, Imei 2: 357412789322597 cùng 02 sim, số 0935000446 và 0797690168.

+ 01 điện thoại di động Realtime màu xanh, có 02 sim số 0585772350 và 0369250078.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 1: 353159116074698, Imei 2: 863715060080271 cùng 01 sim điện thoại có mã số trên sim 8401230712717452.

+ 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi màu trắng có số Imei 1: 863715060080263, Imei 2: 353159116574697 cùng 01 sim điện thoại số 0774519167.

Hội đồng xét xử xét đây là điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc phục vụ việc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với Xe máy hiệu Vision biển số 59H1-283.18 có số khung RLHJF5814GY938737 và số máy JF66E1046781. Qua xác minh, xe máy với số khung và số máy trên có biển số thật là 59D2-632.17 do chị Nguyễn Thị Thanh L đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị L trình bày đưa xe máy cho mẹ ruột là bà D T H đi công việc, khi để xe trên đường thuộc phường P Th, quận Tân Phú thì bị mất trộm. Sau đó, bà Huê đã đến Công an phường P Th trình báo, chị L yêu cầu được nhận lại xe máy trên. Riêng biển số xe 59H1-283.18, qua xác minh là biển số xe hiệu Attila màu trắng có số khung RLGKA12XD001907, số máy VMVTBED001907 do chị Nguyễn Thúy V đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị V trình bày xe máy trên do chị mua từ 2012 và sử dụng ổn định cho đến nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B C đã giao chiếc xe máy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú để xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Quan L P 13 (mười ba) năm tù**, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Quan L P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số 235/2024/HS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B C, Thành phố HM đã xử phạt bị cáo Quan Lập P 02 năm tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, buộc bị cáo Quan L P phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (hai) bản án là: 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024, phạt bổ sung bị cáo Quan L P số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Căn cứ điểm b, điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Trần Thị H 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 10/4/2024 đến ngày 17/4/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **Lê T V 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Lê T V số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt **L V03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

Phạt bổ sung bị cáo L V số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 08 (tám) gói ny lon chứa tinh thể không màu được niêm phong giám định (sau khi giám định còn lại 7,3336 g Methamphetamine)

+ 02 (hai) gói ny lon chứa tinh thể không màu được niêm phong giám định (sau khi giám định còn lại 14,6555g Methamphetamine)

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế; 01 (một) túi vải; 01 (một) quẹt ga; 01 (một) cân điện tử; 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu đen cắt nhọn một đầu; 10 (mười) gói nylon chưa qua sử dụng.

+ 01 (một) túi móc khóa hình trụ tròn bên ngoài túi có ghi chữ Famous.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y17S, số Imei 1: 864973065933965, Imei 2: 864973065933973 cùng sim số 0776389367.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 1: 357026899322592, Imei 2: 357412789322597 cùng 02 (hai) sim, số 0935000446 và số 0797690168.

+ 01 (một) điện thoại di động Realtime màu xanh, có 02 sim số 0585772350 và 0369250078.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 1: 353159116074698, Imei 2: 863715060080271 cùng 01 (một) sim điện thoại có mã số trên sim 8401230712717452.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi màu trắng có số Imei 1: 863715060080263, Imei 2: 353159116574697 cùng 01 (một) sim điện thoại số 0774519167.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 2026/126 ngày 10/12/2025 của Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố HM)

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 06/02/2026. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV10 - TP.HCM;
- Phòng THADSKV10-TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQTHAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tân



